

BẢN TIN HÀNG NGÀY

12 tháng 5 năm 2026



Giao dịch chán nản với thanh khoản thấp

- Vn-Index đi ngang trong phiên sáng, giảm nhẹ đầu phiên chiều, sau đó hồi phục và đóng cửa tăng 5.6 điểm
- VIC VHM giảm sâu đầu ngày là lý do chính khiến Vn-Index giảm, nhưng sau đó đóng cửa lại hồi lên gần tham chiếu
- Nhóm dầu khí tăng trên diện rộng, trong đó BSR tăng tới 4.86%
- 1 số nhóm ngành khác tăng nhẹ là bất động sản và bán lẻ, trong đó DXS tăng trần
- Ngoài ra, 1 vài mã tăng rất tốt là STB LPB VRE
- Các mã còn lại đa phần tăng hoặc giảm nhẹ quanh tham chiếu
- Giá trị giao dịch khớp lệnh trên sàn HOSE giảm 24.2% so với ngày trước đó

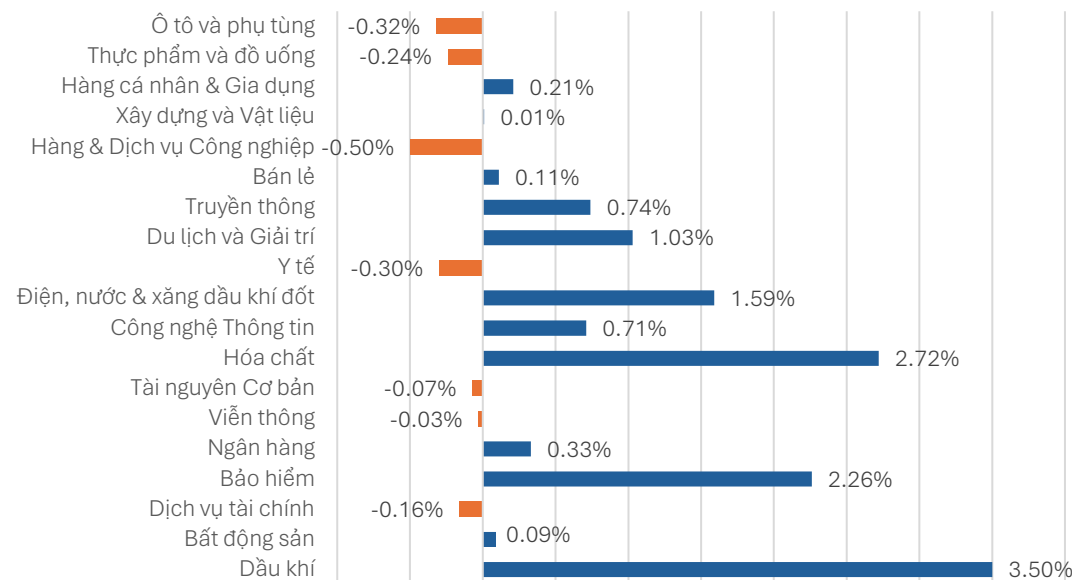


	HOSE	HNX	UPCOM
Đóng cửa	1,901.1	253.3	126.6
(+/-)	5.6	5.22	-0.63
(%)	0.30%	2.10%	-0.50%
Khối lượng giao dịch (Triệu cp)	718	43	22
Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	20,782	796	362
Giao dịch khối ngoại (Tỷ VND)	(811)	(3)	2
Số mã tăng	161	71	114
Số mã giảm	137	75	101
Số mã giá không đổi	69	58	80

1.

Nhận định thị trường

- Thanh khoản hôm nay đã về vùng rất thấp trong nhiều tháng qua, đúng với những phiên giao dịch tích lũy
- Vn-Index đang ở vùng đỉnh 1,900 điểm; nên việc thị trường cần sự tích lũy tại đây cũng là bình thường
- VIC VHM vẫn là trụ đỡ quan trọng của thị trường, trong thời điểm VIC VHM giảm buổi sáng, Vn-Index rất khó tăng điểm
- BSR tăng tốt, nhưng hôm nay là phiên các quỹ ETF phải mua vào để thay thế DGC trong VN30, do đó lực cầu sẽ giảm mạnh từ ngày mai
- Tóm lại, hôm nay là phiên tích lũy và điều chỉnh bình thường trong uptrend. Nhà đầu tư vẫn tiếp tục mua vào. Các nhóm ngành tiềm năng là: chứng khoán, bất động sản, dầu khí và họ VIN



STT	Nhóm ngành	PE	PB
1	Dầu khí	12.39	1.75
2	Nguyên vật liệu	13.42	1.59
3	Công nghiệp	13.68	1.86
4	Hàng Tiêu dùng	13.80	2.30
5	Dược phẩm và Y tế	15.81	1.58
6	Dịch vụ Tiêu dùng	19.40	3.55
7	Viễn thông	21.64	5.58
8	Tiện ích Cộng đồng	12.04	1.69
9	Tài chính	21.65	3.01
10	Ngân hàng	9.36	1.51
11	Công nghệ Thông tin	12.84	2.53

2.

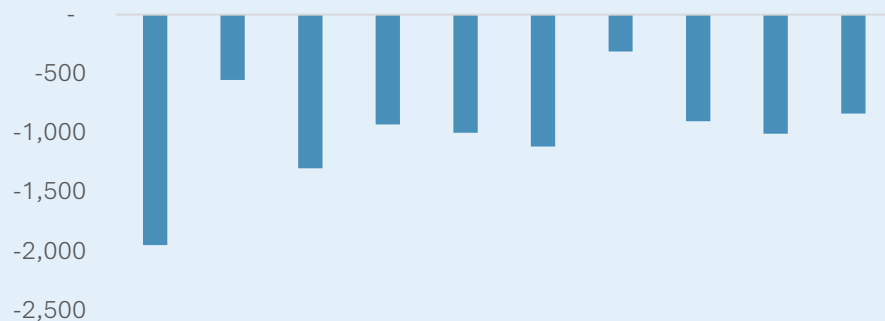
Hiệu suất cổ phiếu theo ngành

Ngân hàng		Bất động sản		Chứng khoán		Thực phẩm		Xây dựng		Nguyên liệu CB		Tiện ích		Hóa chất	
STB	6.37%	DXS	6.91%	DSC	2.34%	MCM	0.88%	BMP	2.22%	HSG	1.65%	PGD	5.33%	GVR	4.46%
LPB	3.22%	VRE	5.51%	FTS	0.95%	VHC	0.49%	HHV	1.23%	ACG	1.18%	GAS	3.94%	PHR	3.35%
HDB	1.67%	CRE	3.40%	CTS	0.18%	KDC	0.42%	VCG	0.92%	PTB	0.78%	POW	0.72%	DPR	1.80%
BID	0.60%	DXG	3.18%	BSI	-0.29%	MSN	0.26%	CTR	0.24%	NKG	0.36%	PGV	0.21%	DCM	1.28%
TPB	0.32%	VPI	3.16%	VND	-0.30%	BHN	0.00%	HTI	0.00%	HPG	-0.37%	REE	0.16%	DPM	0.95%
VIB	0.31%	KBC	2.31%	VDS	-0.37%	DBC	0.00%	CII	-0.51%	DHC	-1.63%	TMP	0.00%	CSV	0.39%
VPB	0.18%	NLG	1.52%	SSI	-0.88%	VCF	-0.03%	VGC	-2.00%			HNA	0.00%	AAA	0.00%
NAB	0.00%	DIG	1.38%	ORS	-1.10%	BAF	-0.42%	CTD	-2.76%			VSH	-0.12%	DGC	-1.44%
TCB	0.00%	TCH	1.20%			PAN	-0.46%	PC1	-2.95%			PPC	-0.31%	VFG	-2.99%
ACB	-0.22%	HDC	1.08%			FMC	-0.55%					TDM	-0.35%		
MBB	-0.38%	HDG	1.01%			VNM	-0.83%					NT2	-0.65%		
VCB	-0.66%	PDR	0.92%			HAG	-0.91%					BWE	-0.68%		
MSB	-0.74%	SZC	0.58%			ASM	-0.97%					GEG	-0.70%		
EIB	-0.88%	BCM	0.19%			SBT	-0.98%					SHP	-0.73%		
SSB	-0.90%	QCG	0.00%			SAB	-1.26%					CHP	-0.89%		
CTG	-0.98%	KOS	0.00%			ANV	-1.29%								
SHB	-1.06%	SJS	-0.35%												
OCB	-1.30%	VIC	-0.45%												
		IJC	-0.50%												
		VHM	-0.50%												
		KDH	-0.63%												
		SIP	-1.18%												
		NVL	-2.98%												

3.

Giao dịch khối ngoại

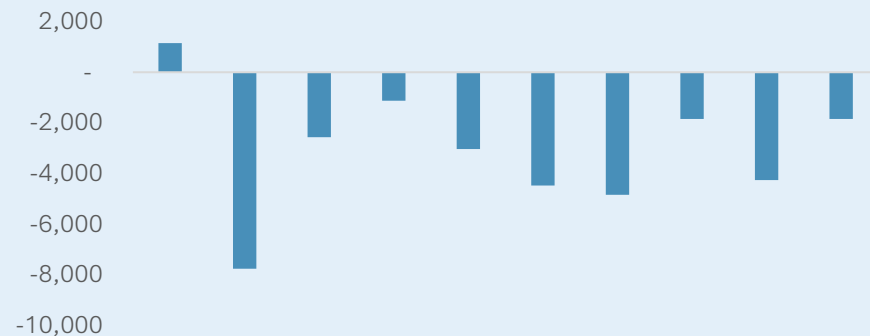
Giao dịch khối ngoại - 10 ngày



Top mua ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	VIC	HOSE	298.25	101.76	196.49
2	VRE	HOSE	186.80	68.45	118.35
3	GEX	HOSE	118.14	21.46	96.68
4	VPB	HOSE	58.70	11.66	47.04
5	DCM	HOSE	48.95	17.68	31.27
6	DXG	HOSE	30.32	3.03	27.29
7	LPB	HOSE	43.96	21.58	22.39
8	HDB	HOSE	43.20	20.81	22.39
9	HCM	HOSE	19.78	1.81	17.96
10	GVR	HOSE	20.15	2.25	17.90
11	BMP	HOSE	24.86	7.38	17.49
12	CII	HOSE	21.41	7.58	13.82
13	BID	HOSE	44.38	30.83	13.55
14	NLG	HOSE	21.67	9.78	11.89
15	FUEVFNVD	HOSE	15.12	3.61	11.51

Giao dịch khối ngoại - 10 tuần



Top bán ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	FPT	HOSE	63.16	234.74	- 171.58
2	VHM	HOSE	242.33	396.60	- 154.28
3	MSB	HOSE	8.56	145.27	- 136.71
4	ACB	HOSE	2.63	132.20	- 129.58
5	VCB	HOSE	20.83	107.53	- 86.70
6	DGC	HOSE	46.54	124.73	- 78.19
7	HPG	HOSE	31.73	104.17	- 72.44
8	MSN	HOSE	27.88	99.25	- 71.37
9	TCB	HOSE	17.26	86.20	- 68.94
10	KDH	HOSE	0.83	54.58	- 53.75
11	VNM	HOSE	19.37	70.24	- 50.87
12	NVL	HOSE	10.45	59.31	- 48.86
13	TPB	HOSE	4.06	49.10	- 45.03
14	CTD	HOSE	2.54	43.73	- 41.20
15	VND	HOSE	6.11	41.64	- 35.53

4.

Cập nhật vĩ mô

	Gần nhất	1D	1W	YTD
Giá dầu Brent (USD/thùng)	104.58	3.25%	-8.62%	71.87%
Giá dầu WTI (USD/thùng)	98.25	2.97%	-7.68%	71.11%
Giá vàng thế giới (USD/ounce)	4,734.97	0.43%	4.67%	9.46%
Tỷ giá trung tâm (USD/VND)	25,123	0.02%	0.05%	0.01%
Tỷ giá bán Vietcombank (USD/VND)	26,379	0.02%	0.05%	0.01%
Tỷ giá bán TT tự do (USD/VND)	26,380	-0.34%	-1.05%	-1.64%
Lãi suất qua đêm – Liên ngân hàng	5.20%	0.21%	-1.42%	3.43%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 1 năm	3.51%	0.00%	0.01%	0.44%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 3 năm	3.66%	0.00%	-0.01%	0.48%

Xuất khẩu phân bón tăng vọt trong tháng 4, kim ngạch xuất khẩu đạt gần 230 triệu USD

Riêng trong tháng 4, lượng phân bón xuất khẩu gấp 2,3 lần so với cùng kỳ năm ngoái ở mức 379.088 tấn.

Trong khi đó, giá phân bón tăng mạnh trong bối cảnh tuyến đường huyết mạch vận chuyển nguyên liệu để sản xuất phân bón là Eo biển Hormuz bị gián đoạn do căng thẳng khu vực Trung Đông. Giá phân bón xuất khẩu trung bình trong tháng 4 ở mức 605 USD/tấn, tăng 41% so với cùng kỳ năm ngoái và tăng 51% tính từ đầu năm.

Kim ngạch xuất khẩu phân bón trong tháng 4 cao gấp 3,3 lần so với cùng kỳ năm ngoái, đạt gần 230 triệu USD.

Dầu Brent vượt 104 USD/thùng

Giá dầu tăng trong ngày 11/05 khi Tổng thống Donald Trump cho biết lệnh ngừng bắn với Iran hiện đang “nguy kịch” sau khi bác bỏ đề xuất phản hồi của Iran. Hợp đồng dầu WTI giao tháng 6 của Mỹ tăng gần 3%, chốt phiên ở mức 98.07 USD/thùng. Trong khi đó, dầu Brent giao tháng 7 tăng gần 3%, lên 104.21 USD/thùng

5.

Bản tin doanh nghiệp



CII: TP.HCM giao liên danh nhà đầu tư nghiên cứu dự án cải tạo giao thông khu vực Hàng Xanh - Bình Triệu

11/05/2026, UBND TP.HCM giao liên danh gồm Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM, Công ty TNHH Đối tác công tư CII và Công ty CP Xây dựng Hạ tầng IMIC nghiên cứu dự án chỉnh trang trục Hàng Xanh - Bình Triệu theo phương thức PPP với tổng vốn đầu tư sơ bộ hơn 10.200 tỷ đồng, quy mô 26,8ha.

Dự án bao gồm cải tạo nút giao, xây mới cầu Bình Triệu 3 và khai thác không gian ngầm, yêu cầu hoàn thành báo cáo nghiên cứu tiền khả thi trong 3 tháng.



VSC: Viconship muốn chào bán 187 triệu cổ phiếu, dùng gần 1.600 tỷ trả nợ

Viconship dự kiến chào bán hơn 187 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 đồng/cổ phiếu, với tỷ lệ thực hiện quyền 2:1 nhằm huy động gần 1.900 tỷ đồng, tăng vốn điều lệ lên hơn 5.800 tỷ đồng. Số tiền huy động dự kiến được Viconship sử dụng để góp vốn vào công ty con nhằm triển khai dự án đầu tư tàu container phục vụ hoạt động kinh doanh, đồng thời tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp. Cụ thể, Viconship sẽ sử dụng 290 tỷ đồng để góp vốn vào Công ty TNHH Hải An Green Shipping và gần 1.582 tỷ đồng để thanh toán gốc và lãi vay.



FCN: FECON ký hợp đồng trị giá 3.000 tỷ đồng tại tuyến metro số 5 Văn Cao - Hoà Lạc

Công ty Cổ phần FECON (FCN) vừa ký hợp đồng thi công quan trọng thuộc Dự án tuyến đường sắt đô thị số 5 Văn Cao – Hòa Lạc, với quy mô hợp đồng 3.000 tỷ đồng, tiếp tục gia tăng hiện diện tại phân khúc đường sắt đô thị (Metro).

Theo hợp đồng, FECON tham gia với vai trò nhà thầu trong gói EPC (thiết kế, cung cấp thiết bị – vật tư và thi công xây lắp) thuộc dự án thành phần 2. Gói thầu được triển khai trên cơ sở hợp tác với Tập đoàn Xây dựng Thái Bình Dương (Pacific Construction Group – Trung Quốc).

6.

Lịch sự kiện

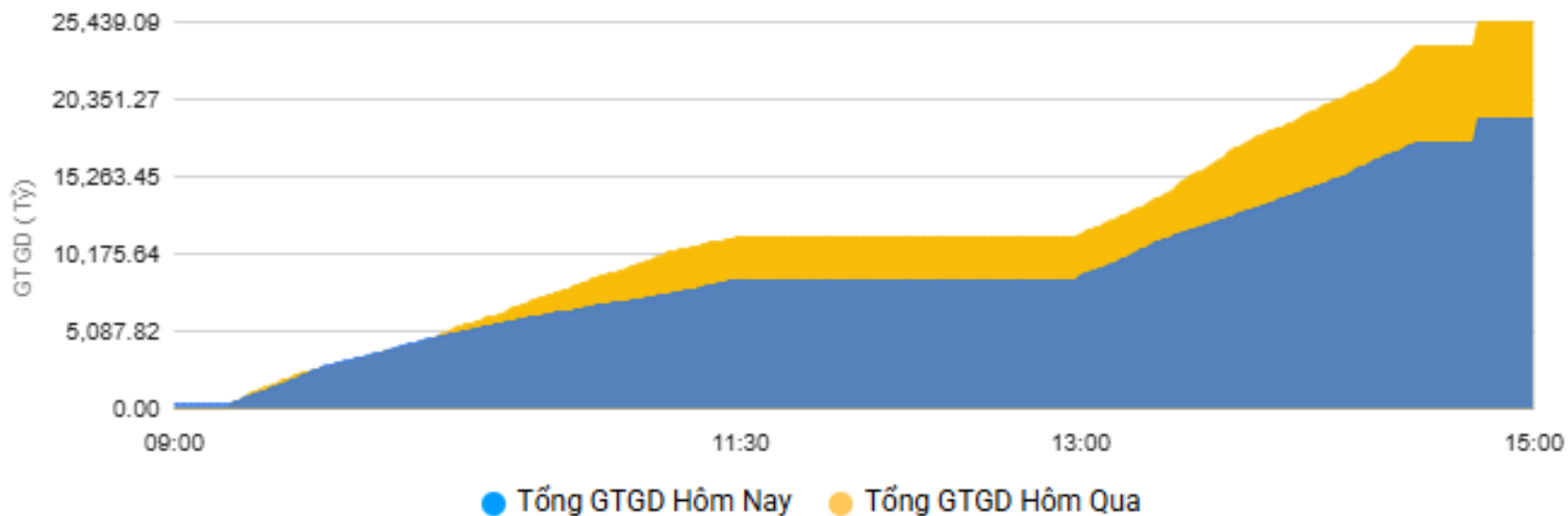
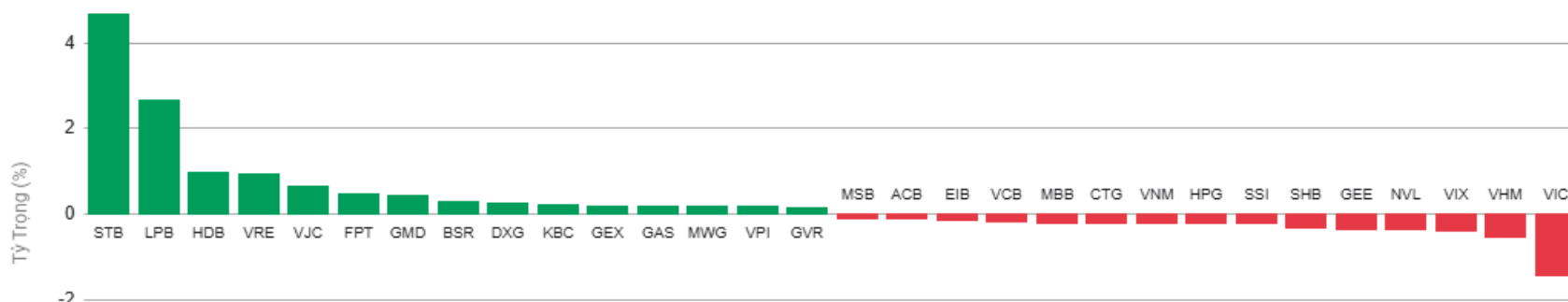
Mã	Ngày GDKHQ	Ngày thực hiện	Sự kiện	Tỷ lệ thực hiện	Giá trị
DGW	13/05/2026	21/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10%	1,000
HPW	13/05/2026	28/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15%	1,500
ICG	13/05/2026	01/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	25%	2,500
MA1	13/05/2026	25/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20%	2,000
NTH	13/05/2026	29/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15%	1,500
VSH	13/05/2026	29/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5%	500
AG1	14/05/2026	27/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15%	1,500
BED	14/05/2026	28/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	19%	1,900
BGW	14/05/2026	18/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	8.1%	810
CAP	14/05/2026	22/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	31%	3,100
CLM	14/05/2026	25/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	30%	3,000
DM7	14/05/2026	29/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	14%	1,400
HDP	14/05/2026	04/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	16%	1,600
HUG	14/05/2026	25/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15%	1,500
LPB	14/05/2026	15/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	30%	3,000
MCF	14/05/2026	28/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	6.5%	650
NDW	14/05/2026	29/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	6%	600
SIP	14/05/2026	05/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	40%	4,000

7.

Số liệu thị trường

NHÓM ẢNH HƯỞNG MẠNH TỚI CHỈ SỐ

BIỂU ĐỒ PHÂN TÁN



8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (12/05/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
VPB	20/5/2024	09/04/2026	34,000	27,850	22.1%	Link	Link
TPB	1/7/2024	23/03/2026	23,493	15,800	48.7%	Link	Link
TCB	12/8/2024	25/03/2026	37,000	33,800	9.5%	Link	Link
MBB	29/8/2024	27/3/2026	30,380	25,900	17.3%	Link	Link
ACB	23/9/2024	20/03/2026	28,750	22,700	26.7%	Link	Link
HDB	15/10/2024	1/4/2026	32,191	27,350	17.7%	Link	Link
CTG	28/11/2024	27/03/2026	40,200	35,250	14.0%	Link	Link
VCB	24/2/2025	11/3/2026	72,000	59,900	20.2%	Link	Link
BID	20/3/2025	17/3/2026	47,720	41,750	14.3%	Link	Link
STB	14/5/2025	31/03/2026	58,700	76,800	-23.6%	Link	Link
HPG	13/01/2025	9/2/2026	33,700	26,900	25.3%	Link	Link
HSG	14/02/2025	4/3/2026	12,420	12,300	1.0%	Link	Link
NKG	7/3/2025	12/2/2026	15,950	13,850	15.2%	Link	Link
GMD	27/05/2025	27/2/2026	89,400	81,600	9.6%	Link	Link
VSC	18/06/2025	6/3/2026	27,450	22,050	24.5%	Link	Link
HAH	31/3/2025	5/3/2026	75,400	57,700	30.7%	Link	Link

8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (12/05/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
NLG	30/9/2024	13/11/2025	45,000	26,800	67.9%	Link	Link
KDH	23/10/2024	20/11/2025	42,000	23,600	78.0%	Link	Link
DXG	15/11/2024	4/12/2025	20,800	16,200	28.4%	Link	Link
DXS	15/1/2025	4/12/2025	12,000	8,200	46.3%	Link	Link
KBC	22/1/2025	27/11/2025	40,500	33,250	21.8%	Link	Link
BCM	4/8/2024	15/12/2025	83,000	52,100	59.3%	Link	Link
VRE	21/3/2025	7/11/2025	30,000	35,450	-15.4%	Link	Link
VHM	29/4/2025	5/11/2025	87,200	160,200	-45.6%	Link	Link
HDC	5/6/2025	30/01/2026	24,200	18,750	29.1%	Link	Link
PDR	30/6/2025	19/03/2026	18,600	16,500	12.7%	Link	Link
PVT	17/7/2025	10/3/2026	29,750	22,600	31.6%	Link	Link
VCG	29/8/2025	18/3/2026	23,700	22,000	7.7%	Link	Link
CTD	24/9/2025	13/3/2026	87,650	73,900	18.6%	Link	Link
FRT	5/2/2026	05/02/2026	170,000	138,300	22.9%	Link	Link
MWG	13/2/2026	13/2/2026	107,500	83,800	28.3%	Link	Link
PVD	3/03/2026	3/3/2026	40,500	31,850	27.2%	Link	Link
DGW	23/04/2026	23/04/2026	50,000	42,250	18.3%	Link	Link

Trụ sở chính

Tầng 9, tòa tháp Đông, Lotte Center Hà Nội, số 54 Liễu Giai, phường Giảng Võ, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Chi nhánh Hà Nội

Tầng trệt tòa Somerset Grand Hanoi & Phòng 505, tầng 5 Tòa Tháp Hà Nội, số 49 Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, tòa nhà President Place, Số 93 Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP HCM

Hotline: 0283.838.5917

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH

Báo cáo này thuộc sở hữu của NHSV. Mọi hành vi sao chép, in ấn khi không có sự cho phép của NHSV đều bị nghiêm cấm. Báo cáo này không nên được coi là một lời đề nghị giao dịch mua bán bất kỳ cổ phiếu nào. Mặc dù những thông tin, dự báo và nhận định trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy, NHSV không thể khẳng định sự chính xác và hoàn thiện của các nguồn thông tin này. NHSV sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ thiệt hại, mất mát nào đến từ việc sử dụng bất kỳ thông tin, nhận định nào đến từ báo cáo này.

